TAND HUYỆN HIỆP HÒA **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 01/2018/HNGĐ- ST
Ngày 19/01/2018
V/v Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Văn Huyên
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường
Ông Trương Đức Lâm
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Tòa án
Đại diện VKS tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 319/2017/TLST- HNGĐ ngày 08/12/2017 về việc tranh chấp "hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 03/01/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1984 (có mặt)
Trú tại: thôn Chớp, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (có mặt)
Trú tại: thôn Chớp, Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ly hôn lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn là chị Bùi Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với an T ngày 21/4/2007 có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh T làm dâu ngay, hai vợ chồng ở chung với gia đình gia đình nhà chồng không có thời gian ở riêng. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc, sau khi chị N sinh con được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi mâu thuẫn sẩy ra anh T đã nhiều lần đánh chị N, nhưng vì con nhỏ nên chị vẫn ở với anh để nuôi con. Ngày 01 tháng 11 năm 2017 do bị anh T đánh nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau khi chị bỏ đi anh T có đến gọi nhưng chị N không về và từ đó tới nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung chị N trình bầy: Chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Đinh T Đạt, sinh ngày 05/10/2009. Ly hôn chị N xin được nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bầy: Anh T kết hôn với chị N ngày 05/3/2007, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong. Cưới xong chị N về nhà anh T làm dâu ngay và ở chung với bố mẹ đẻ anh T cho tới nay. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc, năm 2003 do anh T vi phạm pháp luật nên phải đi tù, tháng 9/2015 anh T được đặc xá về địa phương. Sau khi anh T đi tù về thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị N tự nhiên thay đổi tính nết làm anh ức chế nên rượu chè và vợ chồng cãi nhau. Khi cãi nhau do không kìm chế được nên anh đã đánh chị N, ngày 01/11/2017 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị N bỏ đi hai gia đình đã hòa giải và anh T đến gọi nhiều lần chị N không về. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T không đồng ý ly hôn.

Về con chung anh T trình bầy: Anh T và chị N có một con chung là Nguyễn Đinh T Đạt, sinh ngày 05/10/2009. Tại phiên tòa hôm nay anh đề nghị nếu vợ chồng ly hôn anh để cho chị N nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay KSV phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, điều 147, điều 271, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; giao cho chị N nuôi cháu Nguyễn Đinh T Đạt, sinh ngày 05/10/2009. Án phí chị N phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1, Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 01/12/2017 của chị Bùi Thị N đây được xác định là quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo quy định tại điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2, Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh T ngày 05/3/2007 trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong như vậy được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh T làm dâu ngay, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc. Sau khi sinh cháu Đạt được ba năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh T đã đánh chị N, ngày 01 tháng 11 năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị bỏ đi anh

đã đến gọi nhiều lần và hai gia đình đã tổ chức hòa gaiỏ nhưng không có kết quả. Qua điều tra xác minh chính quyền dịa phương cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T rất trầm trọng, địa phương đề nghị Tò án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc chị N làm đơn xin ly hôn anh T không đồng ý là nhằm gây khó khăn cho chị N trong việc tạo dựng cuộc sống mới. HĐXX thấy cầm áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị N được ly hôn anh T.

3, Về con chung: Chị N và anh T đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Đinh T Đạt, sinh ngày 05/10/2009. Nay vợ chồng ly hôn chị N và anh T thỏa thuận giao con cho chị N nuôi, chị N không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con nên chấp nhận.

4, Về tài sản, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1, Áp dụng: Điều 51, điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, điều 147; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2, Cho chị Bùi Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị N nuôi cháu Nguyễn Đinh T Đạt, sinh ngày 05/10/2009. Phí tổn nuôi con không đặt ra giải quyết, anh T được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3, Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001916 ngày 08/12/2017 của Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Giáp Văn Huyên

Nơi nhận:
-VKSND huyện Hiệp Hoà;
-THADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã Lương Phong;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.